TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày: 26/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hoan- Giáo viên nghỉ hưu.

Ông Cao Văn Đại- Bí thư đoàn thanh niên thị trấn Thanh Hà.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bế Thị Na - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2025/TLST-HS ngày 04/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HS ngày 12/6/2025 đối với các bị cáo:

1. Phan Nhật B, sinh ngày 15/12/2008 tại huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện T, Hải Dương; Số CCCD: 030208015457; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Nhật D và bà Lương Thị H; Gia đình có 3 anh em, B là thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

2. Trần Tuấn A, sinh ngày 13/2/2008; nơi sinh và nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú hiện nay: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Số CCCD: 030208009508; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị D1; Gia đình có 4 chị em, bị cáo là thứ 3; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

3. Lê Phúc T1, sinh ngày 26/8/2008; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Số CCCD: 030208008499; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q và bà Vũ Thị H1; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Nhật B: Ông Phan Nhật D, sinh năm 1983 (có mặt); bà Lương Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt) đều có địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Tuấn A: Bà Đỗ Thị D1, sinh năm 1970 (vắng mặt); địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Ông Trần Văn T sinh năm 1963 (có mặt); địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Phúc T1: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1960 (vắng mặt) và bà Vũ Thị H1, sinh năm 1978 (có mặt); Đều có địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Nhật B*: Ông Phạm Công T2, sinh năm 1975 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Xin vắng mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Trần Tuấn A, Lê Phúc T1*: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1991 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Xin vắng mặt.

- *Đại diện Đoàn thanh niên xã T, thành phố H*: Ông Nguyễn Văn H2- Phó bí thư Đoàn T. Xin vắng mặt.

- *Đại diện Đoàn thanh niên xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương*: Bà Đỗ Thị Đ- Bí thư Đoàn thanh niên. Xin vắng mặt.

**** Bị hại:***

- Anh Dương Ngọc H3, sinh ngày 19/11/2008; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu H3: Bà Vũ Thị Vân A1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Đều xin vắng mặt)

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:**

Anh Phạm Trung H4, sinh ngày 21/4/2010; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

* Người đại diện hợp pháp của Phạm Phan Trung H4: Ông Phan Nhật H5, sinh năm 1987 (vắng mặt); bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1986 (vắng mặt); Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1961 (xin vắng mặt); đều có địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

**** Người làm chứng*:**

- Anh Nguyễn Văn C1;
- Anh Nguyễn Văn H6;
- Bà Ngô Thị T5;
- Chị Đinh Thị N;

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Nhật B sinh ngày 15/12/2008; Phan Trung Hiếu sinh ngày 21/4/2010 và anh Dương Ngọc H3 sinh năm 2008 là bạn bè. B và H4 biết anh H3 có điện thoại di động nên đã bàn bạc sẽ trộm cắp chiếc điện thoại di động để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 14 giờ ngày 26/3/2025 anh H3 rủ B và H4 sang vườn nhà ông Vũ Bá T6 sinh năm 1958 ở thôn T, xã T, huyện T (là ông ngoại H3) để vớt thuyền và mò trai. H3 đi xe đạp điện màu đen một mình, H4 đi xe đạp điện màu đen chở B (xe của chị Lương Thị H- mẹ B). Đến nơi H3 và H4 dựng xe ở khu vực sân vườn, H3 cất chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 promax 64gb, màu vàng, bên trong có lắp sim điện thoại 0948991282 vào cốp xe. H4 cũng nhờ H3 cất 01 lon nước và 01 chiếc áo khoác vào cốp xe của H3 rồi đóng cốp lại, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. Sau đó H3, H4, B xuống ao để mò trai. Khoảng 30 phút sau, B lên bờ rồi đi ra vị trí xe đạp điện, ngay lúc đó H4 cũng đi lên bờ mở cốp xe của H3 thì B nháy mắt với H4, H4 hiểu ý liền nói B "mày lấy đi". Lúc này H3 lên bờ đi về phía H4 nên H4 đóng cốp xe lại. H3 nhờ H4 xuống ao tìm kính bị rơi, H4 đồng ý, cả 2 xuống ao tìm kính thì B dùng chìa khóa đang cắm ở ổ khóa điện để mở cốp xe điện lấy chiếc điện thoại di động của H3 rồi mang ra cất dưới đống lá trong vườn nhà ông Nguyễn Huy T7, cách vị trí dựng xe khoảng 200m rồi quay lại ngồi đợi anh H3 và H4. Cả 3 đi xe đạp điện về nhà Hà rửa tay chân rồi đi về nhà. Khoảng 17 giờ anh H3 mở cốp xe thì phát hiện mất điện thoại. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày B và H4 ra lấy điện thoại và thống nhất với nhau sáng hôm sau mang bán điện thoại lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 6 giờ sáng ngày 27/3/2025, H4 sang nhà đón B đi bán điện thoại thì B nói rủ thêm Lê Phúc T1 sinh ngày 26/8/2008, H4 đồng ý. B nói với T1 về việc trộm cắp được chiếc điện thoại của H3 và nói với T1 đi bán lấy tiền tiêu xài. T1 đồng ý nhưng không có xe đi nên rủ thêm Trần Tuấn A sinh ngày 13/2/2008 đi cùng, B đồng ý. Khoảng 30 phút sau Tuấn A đi xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 34A-31566 (xe của bà Vũ Thị H1 - mẹ Tuấn A) đến chở T1, H4 chở B đi lên thành phố H để tìm nơi bán điện thoại. Trên đường đi Tuấn A hỏi B điện thoại lấy ở đâu thì B nói là trộm cắp của anh H3. Cả 4 người đi đến quán C2 của anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1992 ở B L, TP H, tỉnh Hải Dương, B bán điện thoại được 4.000.000đ, anh C1 trả 3.500.000đ tiền mặt và trả qua số tài khoản ngân hàng 1049373800 của Trần Tuấn A tại ngân hàng V số tiền 500.000đ. Sau đó B chia cho T1 số tiền 1.000.000đ , Tuấn A số tiền 500.000đ (số tiền anh C1 đã trả qua tài khoản), số tiền 2.500.000đ B và H4 cùng nhau tiêu xài. Ngày 29/3/2025 anh Dương Ngọc H3 đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 10/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản - UBND huyện T kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng, dung lượng 64GB tại thời điểm ngày 26/3/2025 có giá trị là: 6.500.000 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Chi phí

cấp thẻ sim điện thoại số 0948991282 có giá trị là: 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSHD-TH ngày 03/6/2025, VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố Phan Nhật B về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Truy tố Trần Tuấn A, Lê Phúc T1 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và xin được cải tạo tại địa phương.

Người bào bào chữa cho bị cáo B gửi bài phát biểu nội dung: Nhất trí tội danh, điều luật Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị HĐXX xem xét nhân thân bị cáo, bị cáo chưa thành niên, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; Áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật Hình sự BLHS đối với bị cáo B. Cho bị cáo cải tạo không giam giữ để bị cáo phấn đầu thành người có ích cho xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Tuấn A, T1 gửi bài phát biểu nội dung: Nhất trí tội danh, điều luật Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị HĐXX xem xét nhân thân các bị cáo, các bị cáo chưa thành niên, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; Áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật Hình sự BLHS đối với các bị cáo T1, Tuấn A. Cho bị cáo cải tạo không giam giữ để bị cáo phấn đầu thành người có ích cho xã hội.

Tại phiên toà đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX): Tuyên bố bị cáo B phạm tội Trộm cắp tài sản. Các bị cáo T1, Tuấn A phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 90, Điều 91, Điều 100; của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Nhật B. Xử phạt B từ 7-9 tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Phan Nhật B có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Phúc T1. Xử phạt T1 từ 5-7 tháng cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T1 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Tuấn A. Xử phạt Xử phạt Tuấn A từ 5-7 tháng cải tạo không

giam giữ, giao bị cáo cho UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Tuấn A có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Về vật chứng, trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại các bị cáo chiếm đoạt không thu giữ được, các bị cáo đã bồi thường cho bị hại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội và điều luật áp dụng:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các biên bản làm việc, lời khai nhận của người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 14 giờ 20 phút ngày 26/3/2025, tại khu vực vườn của ông Vũ Bá T6 ở thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, Phan Nhật B và Phan Trung H4 đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 promax 64gb, màu vàng, bên trong có lắp sim điện thoại 0948991282, trị giá tài sản 6.800.000 đồng của anh Dương Ngọc H3.

Đến khoảng 7 giờ sáng ngày 27/3/2025 B, H4 rủ Lê Phúc T1; T1 rủ Trần Tuấn A đi bán điện thoại và nói về nguồn gốc điện thoại do trộm cắp của anh H3, đi đến cửa hàng C3 ở B L, TP H bán cho anh Nguyễn Văn C1 được 4 triệu đồng. Số tiền bán được các bị cáo đã tiêu xài hết.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi như đã nêu ở trên vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo B đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo T1, Tuấn A đã đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố

các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xem xét đánh giá hành vi của các bị cáo trong vụ án:

3.1. Hành vi phạm tội của bị cáo B độc lập với bị cáo T1, bị cáo Tuấn A.

3.2 Hành vi phạm tội của các bị cáo T1, Tuấn A:

Về xác định đồng phạm: HĐXX xác định đây là trường hợp đồng phạm giản đơn vì không có sự cấu kết, tổ chức chặt chẽ giữa các bị cáo và cũng không có sự bàn bạc, phân công nhau từ trước. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều có sự tiếp nhận ý chí của nhau. Vì vậy cần đánh giá vị trí, vai trò của từng bị cáo, để xem xét mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo T1 là người rủ rê bị cáo Tuấn A cùng thực hiện hành vi, là người thực hành tích cực nên giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo Tuấn A tiếp nhận ý chí của bị cáo T1 nên bị cáo giữ vai trò sau.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xác định:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo B, bị cáo T1 phải chịu tình tiết tăng nặng xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; thông qua gia đình các bị cáo đã thực hiện bồi thường thiện hại cho bị hại; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa thành niên nên được hưởng chính sách khoan hồng đối với người chưa thành niên.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét vị trí, vai trò, nhân thân của từng bị cáo. HĐXX nhận thấy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa thành niên nên được hưởng chính sách khoan hồng đối với người chưa thành niên; đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, mà cho các bị cáo cải tạo không giam giữ, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Do các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên không khấu trừ thu nhập của các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 promax 64gb, màu vàng, bên trong có lắp sim điện thoại 0948991282, anh C1 đã bán lại cho nam thanh niên không rõ lai lịch nên không thu giữ được. Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại và người đại diện hợp pháp không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về các vấn đề khác:

Đối với Phan Trung H4 tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm pháp luật là người trên 14 tuổi và dưới 16 tuổi, nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương đã lập biên bản vi phạm hành chính biện pháp nhắc nhở đối với H4 về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn C1 không biết nguồn gốc chiếc điện thoại do phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển số 34A- 315.66 là tài sản của chị Vũ Thị H1, chiếc xe đạp điện màu đen, không đeo biển số là tài sản hợp pháp của chị Lương Thị H. Chị H, chị H1 không biết các bị cáo sử dụng nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 90, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Nhật B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Phúc T1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Tuấn A.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Nhật B phạm tội Trộm cắp tài sản. Các bị cáo Lê Phúc T1, Trần Tuấn A phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Phan Nhật B 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ. không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành hình sự Công an tỉnh H nhận được quyết định thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Lê Phúc T1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành hình sự Công an tỉnh H nhận được quyết định thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Trần Tuấn A 05 (năm) tháng cải tạo không giam giữ. không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành hình sự Công an tỉnh H nhận được quyết định thi hành án

hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Giao các bị cáo Lê Phúc T1, Trần Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo Lê Phúc T1, Trần Tuấn A có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Phan Nhật B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Phan Nhật B có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phan Nhật B, Lê Phúc T1, Trần Tuấn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bào chữa cho bị cáo dưới 18 tuổi có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị hại, người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người có QLNVLQ; Đại diện hợp pháp của họ;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng